

Bản án số: 39/2026/HS-ST  
Ngày: 22 - 5 - 2026

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – THÁI NGUYÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Triệu Thị Út Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Xuân Đăng và ông Nguyễn Tiến Tùng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Thái Nguyên

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa:** Bà Âu Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2026/TLST-HS, ngày 01 tháng 4 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2026/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo:

**Trần Văn T**, sinh ngày 26 tháng 10 năm 2000 tại xã T, tỉnh Thái Nguyên; nơi cư trú: Thôn B, xã T, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn V và bà Triệu Thị M; vợ, con: không có; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

**- Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Lý Văn T1 - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T. Có mặt.

**- Người chứng kiến:**

+ Ông Vũ Văn H, sinh năm 1959; Nơi cư trú: thôn B, xã T, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

+ Bà Phạm Thị N, sinh năm 1970; Nơi cư trú: thôn B, xã T, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17/12/2025, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh T nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc Trần Văn T, sinh năm 2000, trú tại thôn B, xã T, tỉnh Thái Nguyên có hành vi tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng tại nơi ở

thuộc thôn Bản Ruộc, xã T, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi tiếp nhận nguồn tin, Cơ quan An ninh điều tra đã thành lập tổ công tác phối hợp với Công an xã T, tỉnh Thái Nguyên và người chứng kiến đến nhà Trần Văn T có thông tin nêu trên để kiểm tra, xác minh nguồn tin.

Khoảng 7 giờ 30 phút ngày 17/12/2025, khi tổ công tác đến thì có Trần Văn T và bà Triệu Thị M, sinh năm 1976 (mẹ của T) có mặt tại nhà. Tổ công tác đã yêu cầu T nêu có cất giấu vũ khí trong nhà thì giao nộp. T khai nhận có cất giữ súng, đạn tại nơi cư trú của mình và đã giao nộp cho tổ công tác 01 vật bằng kim loại có chuôi và tay cầm bằng gỗ màu đen, chiều dài 91cm, bên ngoài được quấn bằng vải màu rằn ri, trên thân có chữ “AIRFORCE”, vật dạng nghi là súng (niêm phong ký hiệu “Tiến 1”) và 01 hộp màu vàng bên trong có 74 viên kim loại hình nấm (niêm phong ký hiệu “Tiến 2”). Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản sự việc tạm giữ, niêm phong đồ vật theo quy định.

Hồi 09 giờ 30 phút cùng ngày, đã tiến hành lập biên bản xác định hiện trường, kết quả: Hiện trường chung xảy ra vụ việc “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” tại nhà ở của gia đình Trần Văn T thuộc địa phận thôn Bản Ruộc, xã T, tỉnh Thái Nguyên. Hiện trường cụ thể: trên bao thóc màu đỏ được kê tại bếp (nhà bằng gỗ tạp 01 tầng), T xác định là vị trí T cất giấu 01 khẩu súng và 01 hộp màu vàng bên trong có 74 viên đạn, vị trí này cách mặt đất 75cm, cách góc xếp tầng hai là 1,25m, cách tường nhà gỗ bên trái hướng từ cửa chính đi vào là 1,3m; bên phải là 10cm.

Ngày 17/12/2025, Trần Văn T tự nguyện giao nộp 02 điện thoại di động gồm: 01 điện thoại nhãn hiệu Mastel, đã qua sử dụng có gắn sim số 0868174924 và 01 điện thoại nhãn hiệu Oddo, đã qua sử dụng để phục vụ điều tra. Tiến hành kiểm tra đối với 02 điện thoại trên về tin nhắn, cuộc gọi, hình ảnh, ứng dụng Z, Facebook trong điện thoại không phát hiện thấy nội dung vi phạm liên quan.

Tại Kết luận giám định số 62/KL-KTHS ngày 25/12/2025 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: *“Vật dạng súng trong niêm phong ký hiệu “Tiến 1” gửi giám định là súng nén hơi, thuộc vũ khí quân dụng, hiện súng còn sử dụng để bắn được. Khẩu súng này sử dụng để bắn được 74 (bảy mươi tư) viên kim loại hình nấm trong niêm phong ký hiệu “Tiến 2” gửi giám định. 74 (bảy mươi tư) viên kim loại hình nấm niêm phong ký hiệu “Tiến 2” gửi giám định là đạn kim loại hình nấm, thuộc vũ khí quân dụng. Hiện đạn còn sử dụng để bắn được.”* (Giám định viên đã sử dụng 05 viên đạn trong niêm phong ký hiệu “Tiến 2” phục vụ công tác giám định, còn lại 69 viên đạn.)

Quá trình giải quyết, Trần Văn T khai nhận: Khoảng tháng 6/2025, T đã sử dụng tài khoản Facebook tên “Tiến studio” lên trang nhóm bán súng để đặt mua của một người không quen biết một khẩu súng nén hơi và một hộp đạn chì với giá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). T và người này thỏa thuận sẽ chuyển súng tháo rời linh kiện thông qua hình thức chuyển hàng nhận tiền. Khoảng 03 ngày sau, T nhận được súng, đạn thông qua người giao hàng không quen biết và thanh toán tiền mặt cho người này số tiền là 5.000.000 đồng rồi mang về lắp

theo ren để thành súng hoàn chỉnh rồi T mang về cất giấu ở trên bao thóc trong nhà và dùng bao tải che, phủ bên trên. Mục đích cất giấu khẩu súng, đạn của T là để sẵn bắn thú rừng. T đã sử dụng một số lần để sẵn, bắn thú rừng tại khu vực rừng sâu nhưng T không nhớ chính xác thời gian, địa điểm và đã sử dụng bao nhiêu viên đạn. Toàn bộ quá trình mua súng nén hơi, đạn rồi cất giấu tại nhà và sử dụng thì chỉ có một mình T thực hiện, các thành viên khác trong gia đình không ai biết về hành vi vi phạm của T. Lời khai của T phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Với hành vi trên, bản Cáo trạng số 24/CT-VKSTTN - P1 ngày 30/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Trần Văn T về tội: “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Thái Nguyên duy trì quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”. Áp dụng khoản 1 Điều 304, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự xử lý vật chứng:

+ Tịch thu, tiêu hủy: 01 khẩu súng nén hơi, đã niêm phong ký hiệu A1 và 69 viên đạn kim loại hình nấm, đã niêm phong ký hiệu B1.

+ Trả lại cho bị cáo: 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Masstel, máy cũ đã qua sử dụng, bên trong có gắn 01 sim số thuê bao 0868174924 của Trần Văn T và 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Oddo, máy cũ đã qua sử dụng của Trần Văn T.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo không có ý kiến tranh luận, không bổ sung ý kiến của người bào chữa.

- Người bào chữa nhất trí với tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, xử lý vật chứng mà Kiểm sát viên đã đề nghị trong bản luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt khởi điểm theo đề nghị của Kiểm sát viên là 15 tháng tù.

Lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

*[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp, đúng quy định.*

*Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa, người chứng kiến vắng mặt không có lý do, tuy nhiên, đã có đầy đủ lời khai tại giai đoạn điều tra, việc vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án của Tòa án. Căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

*[2] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt:*

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Khoảng tháng 6/2025 Trần Văn T đã đặt mua với một người không quen biết qua tài khoản mạng xã hội Facebook 01 hộp đạn kim loại và các bộ phận rời của khẩu súng với giá 5.000.000 đồng, tự lắp ráp thành 01 khẩu súng nén hơi hoàn chỉnh sau đó cất giấu trái phép tại nơi ở của mình thuộc thôn Bản Ruộc, xã T, tỉnh Thái Nguyên. Ngày 17/12/2025, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh T đã phát hiện và thu giữ của Trần Văn T 01 khẩu súng nén hơi và 74 viên đạn kim loại, kết luận giám định xác định đều là vũ khí quân dụng, còn sử dụng được.

Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, mặc dù đã được nhà nước, chính quyền địa phương thường xuyên tuyên truyền nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo có tính chất nghiêm trọng, xâm phạm quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng vũ khí quân dụng, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Điều luật có nội dung:

*"1. Người nào ..., tàng trữ.. trái phép vũ khí quân dụng, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 07 năm;*

....

*5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm”.*

*[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Hành vi phạm tội của bị cáo là độc lập, không có đồng phạm. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong các giai đoạn tố tụng, bị cáo thành khẩn khai

báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

*[4] Về hình phạt:*

- Hình phạt chính: Căn cứ vào nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tính chất mức độ hành vi phạm tội, căn cứ tình hình an ninh trật tự tại địa phương; Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại cơ sở giam giữ với mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Mức hình phạt đề nghị của Viện kiểm sát, người bào chữa là phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng, thuộc diện hộ nghèo nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

*[5] Về vật chứng:* Căn cứ quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự xử lý vật chứng:

+ Đối với các vật chứng gồm: 01 khẩu súng nén hơi, đã niêm phong ký hiệu A1 và 69 viên đạn kim loại hình nấm, đã niêm phong ký hiệu B1 hiện đang được bảo quản tại Kho vật chứng của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh T, đều là vật cấm lưu hành nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Giao Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - Thái Nguyên phối hợp với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh T tiến hành theo quy định của pháp luật.

+ Đối với 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Masstel, máy cũ đã qua sử dụng, bên trong có gắn 01 sim số thuê bao 0868174924 của Trần Văn T và 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Oddo, máy cũ đã qua sử dụng của Trần Văn T; quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

*[6] Về án phí:* Bị cáo thuộc diện hộ nghèo, có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

*[7] Về quyền kháng cáo:* Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

*[8] Vấn đề khác:*

- Bị cáo khai về nguồn gốc súng, đạn mua trên mạng xã hội (Facebook) khoảng tháng 6/2025 với một người không quen biết, sau đó được một người giao hàng cho bị cáo. Do bị cáo không biết lai lịch, địa chỉ cụ thể của những người này nên Cơ quan điều tra không đủ cơ sở điều tra, xác minh làm rõ về hành vi mua bán trái phép vũ khí quân dụng trong vụ án.

- Đối với hành vi lắp ráp các linh kiện súng thành khẩu súng hoàn chỉnh và hành vi sử dụng súng bắn thử và đi săn của Trần Văn T:

Do linh kiện súng Trần Văn T mua đã được người bán chế tạo có kích thước, tỉ lệ sẵn và đồng nhất nên sau khi T mua về chỉ lắp lại theo ren mà không

cần sử dụng các công cụ, phương tiện khác để chế tạo, gia công các linh kiện đó. Theo lời khai của T đã sử dụng súng để bắn thử, đi săn trong rừng; tuy nhiên T không nhớ chính xác về thời gian, địa điểm, không có người chứng kiến. Cơ quan điều tra không đủ căn cứ xem xét xử lý đối với Trần Văn T về hành vi chế tạo, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng.

[9] Về quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Thái Nguyên tại phiên tòa, người bào chữa, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 304, Điều 38, Điều 47, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Điều 106, Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng Hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

**1. Về tội danh:** Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng".

**2. Về hình phạt:** Xử phạt bị cáo Trần Văn T 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Hội đồng xét xử áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" đối với bị cáo kể từ khi tuyên án cho đến thời điểm bị cáo đi chấp hành án.

### 3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy và giao cho Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - Thái Nguyên phối hợp với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh T tiến hành gồm: 01 khẩu súng nén hơi, đã niêm phong ký hiệu A1 và 69 viên đạn kim loại hình nấm, đã niêm phong ký hiệu B1.

- Trả lại cho bị cáo: 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Masstel, máy cũ đã qua sử dụng, bên trong có gắn 01 sim số thuê bao 0868174924 và 01 điện thoại di động màu đen, nhãn hiệu Oddo, máy cũ đã qua sử dụng của Trần Văn T.

(Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng số 04 ngày 05/3/2026 giữa Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh T và biên bản ngày 31/3/2026 giữa Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T với Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 6 - Thái Nguyên).

**4. Về án phí:** Miễn 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Trần Văn T.

**5. Về quyền kháng cáo:** Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

### Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND khu vực 6 – Thái Nguyên;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Phòng THADS KV6 – Thái Nguyên;
- Cơ quan ANĐT CAT Thái Nguyên;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CAT Thái Nguyên;
- Công an xã Thanh Mai;
- Bộ CHQS tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

**Triệu Thị Út Hiền**













